



CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà-Nội
Tel: 024 37684495|Fax: 024 37684490|Website: www.scigroup.vn

Số: *87* /2018/CBTT-SCI-TCKT

Hà-Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2018

(V/v: Công bố thông tin BCTC hợp nhất giữa niên độ đã kiểm toán năm 2018.)

Kính gửi:

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

1. Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN SCI.
2. Mã chứng khoán: S99
3. Trụ sở chính: Tầng 3 tháp C, tòa Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội.
4. Điện thoại: (84.4) 3 768 4495 Fax:(84.4) 3 768 4490.
5. Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nguyễn Văn Thắng - Kế toán trưởng.
6. Nội dung của thông tin công bố:

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được kiểm toán năm 2018 của Công ty Cổ phần SCI được ký ngày 27/08/2018 bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ, báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ, thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: www.sci.pro.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung công bố thông tin.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như k/gửi.

- Lưu P.HCNS.

Đính kèm: BCTC.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Lương Thanh Tùng

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	04
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	05-06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	08-09
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	10-43

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần SCI (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Công Hùng	Chủ tịch	
Ông Lê Việt Dũng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 18/04/2018
Ông Lương Thanh Tùng	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Phúc	Thành viên	
Ông Đoàn Thế Anh	Thành viên	
Ông Nguyễn Minh Hùng	Thành viên	Bổ nhiệm 29/06/2018

Ban Giám đốc

Ông Lương Thanh Tùng	Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Thế Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quốc Chế	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Phúc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc



Lương Thanh Tùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 07 năm 2018



Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam
Địa chỉ: Tầng 14 Tòa nhà Sudico, đường Mễ Trì
P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam
Tel: (+84 24) 3868 9566 / (+84 24) 3868 9588
Fax: (+84 24) 3868 6248
Web: kiemtoanava.com.vn

Số: 604/BCKT/TC/NV8

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần SCI

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần SCI (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 27 tháng 07 năm 2018, từ trang 05 đến trang 43, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - “Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện”.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần SCI tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam



Nguyễn Bảo Trung
Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN Kiểm toán số: 0373-2014-126-1

Hà Nội, ngày 27 tháng 08 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN SCITầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2018	01/01/2018
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.124.926.916.107	959.851.971.197
I. Nợ ngắn hạn	310		657.067.822.237	616.380.286.546
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	136.898.497.768	165.623.066.479
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	51.267.018.499	56.371.523.033
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	4.000.325.076	14.212.535.149
4. Phải trả người lao động	314		13.917.665.048	32.342.312.492
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	69.133.580.880	41.307.132.778
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	35.377.305.636	18.074.312.978
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	344.112.786.249	286.494.046.320
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.360.643.081	1.955.357.317
II. Nợ dài hạn	330		467.859.093.870	343.471.684.651
1. Phải trả dài hạn khác	337	20	56.815.000	56.815.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	21	466.136.661.684	341.749.252.465
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	30.b	1.665.617.186	1.665.617.186
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		649.478.745.425	624.643.953.093
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	649.478.745.425	624.643.953.093
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		388.491.390.000	388.491.390.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		388.491.390.000	388.491.390.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		982.166.000	982.166.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		11.567.626.463	10.203.005.635
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		83.315.726.847	65.419.481.471
- LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối năm trước	421a		63.509.461.756	43.714.254.700
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		19.806.265.091	21.705.226.771
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		165.121.836.115	159.547.909.987
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		1.774.405.661.532	1.584.495.924.290


Nguyễn Thị Tú Quỳnh
Người lập

Nguyễn Văn Thắng
Kế toán trưởngLương Thanh Tùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 07 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2018	Từ 01/01/2017
			đến 30/06/2018	đến 30/06/2017
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	312.733.530.396	175.173.170.499
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		312.733.530.396	175.173.170.499
4. Giá vốn hàng bán	11	25	266.764.124.057	143.677.548.627
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		45.969.406.339	31.495.621.872
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	27.783.226.199	9.062.146.784
7. Chi phí tài chính	22	27	20.309.990.790	19.615.671.785
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		15.442.150.057	17.951.081.042
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	21.098.144.017	16.779.685.185
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		32.344.497.731	4.162.411.686
12. Thu nhập khác	31		1.153.684.491	1.335.866.100
13. Chi phí khác	32		584.519.464	1.874.196.581
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		569.165.027	(538.330.481)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		32.913.662.758	3.624.081.205
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	29	4.215.664.224	2.009.614.250
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	30.c	2.607.720.438	(1.231.901.171)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		<u>26.090.278.096</u>	<u>2.846.368.126</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		20.160.265.091	3.226.491.336
20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		5.930.013.005	(380.123.210)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	519	83

Nguyễn Thị Tú Quỳnh
Người lập

Nguyễn Văn Thắng
Kế toán trưởng



Lương Thanh Tùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 07 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN SCITầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2018	Từ 01/01/2017
			đến 30/06/2018	đến 30/06/2017
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		32.913.662.758	3.624.081.205
6. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		15.823.627.896	13.098.660.473
- Các khoản dự phòng	03		6.315.814.657	465.393.872
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	(71.175.814)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(10.084.415.988)	(8.815.358.824)
- Chi phí lãi vay	06		15.442.150.057	17.951.081.042
14 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		60.410.839.380	26.252.681.954
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		56.605.068.927	(74.221.085.354)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(87.549.359.236)	(73.737.880.534)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(11.978.223.865)	137.580.187.775
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		156.265.195	3.499.006.512
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		57.831.669.178	(2.106.750.000)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(10.655.368.583)	(17.574.705.319)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(14.357.689.928)	(2.118.317.852)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(196.200.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		50.267.001.068	(2.426.862.818)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(178.492.317.779)	(135.905.351.143)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	881.363.634
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(168.972.879.840)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		120.000.000.000	-
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	50.000.000.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.442.278.699	15.114.894.347
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(224.022.918.920)	(69.909.093.162)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33		533.561.478.548	364.161.941.375
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(351.555.329.400)	(188.722.901.213)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(2.450.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		182.006.149.148	172.989.040.162

CÔNG TY CỔ PHẦN SCITầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/218	Từ 01/01/217
			đến 30/06/2018	đến 30/06/2017
			VND	VND
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		8.250.231.296	100.653.084.182
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		56.831.673.722	63.661.423.814
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	5	<u>65.081.905.018</u>	<u>164.314.507.997</u>


Nguyễn Thị Tú Quỳnh
Người lập

Nguyễn Văn Thắng
Kế toán trưởngLương Thanh Tùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 07 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần SCI (tiền thân là Công ty Cổ phần Sông Đà 909) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0101405355 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ mười hai ngày 25 tháng 10 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 388.491.390.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2018 là 388.491.390.000 đồng; tương đương 38.849.139 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Thi công xây lắp và cung cấp các dịch vụ cho thuê máy móc xây dựng.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Sửa chữa máy móc thiết bị;
- Đầu tư xây dựng các nhà máy thủy điện, quản lý vận hành nhà máy thủy điện, bán điện;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Xây dựng các công trình dân dụng khác: Thi công các công trình dân dụng, công nghiệp, xây dựng thủy điện, các công trình thủy lợi, giao thông đường bộ các cấp, sân bay, bến cảng, cầu cống, các công trình hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, thi công san lấp nền móng, xử lý nền đất yếu, các công trình thoát nước, gia công lắp đặt đường ống công nghệ và áp lực.

Cấu trúc Tập đoàn

Tổng số công ty con:

- Số lượng công ty con được hợp nhất: 04 Công ty;
- Số lượng công ty con không được hợp nhất: 0 Công ty.

Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 30/06/2018 bao gồm:

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần SCI E&C	Hà Nội	60,50%	60,50%	Xây dựng và các hoạt động liên quan đến xây dựng
Công ty TNHH SCI Nghệ An	Nghệ An	51,00%	51,00%	Sản xuất và kinh doanh điện năng
Công ty Cổ phần Tư vấn SCI	Hà Nội	91,43%	96,00%	Khảo sát, tư vấn thiết kế
Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	Lai Châu	99,72%	99,72%	Sản xuất và kinh doanh điện năng

2 . KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

3 . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

4 . TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó..

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính***Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền (hoặc nhập trước xuất trước hoặc thực tế đích danh hoặc phương pháp giá bán lẻ trong trường hợp hàng hóa). Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 40 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
- Tài sản cố định khác	20 năm

Tài sản cố định vô hình và khấu hao***Phần mềm máy tính***

Nguyên giá TSCĐ của các chương trình phần mềm được xác định là toàn bộ các chi phí thực tế mà doanh nghiệp đã bỏ ra để có các chương trình phần mềm trong trường hợp chương trình phần mềm là một bộ phận có thể tách rời với phần cứng có liên quan, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng và dựa trên thời gian sử dụng hữu ích.

Bằng sáng chế và thương hiệu

Bằng sáng chế và thương hiệu được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, chi phí thành lập và các khoản chi phí trả trước khác.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hoá được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang.

Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Trái phiếu phát hành

Công ty phát hành trái phiếu thường cho mục đích vay dài hạn.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ (-) Chiết khấu trái phiếu cộng (+) Phụ trội trái phiếu.

Công ty theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí sản xuất kinh doanh hoặc vốn hoá theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu;
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu;

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân (x) với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ.
- Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Doanh thu***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.
- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

5 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/06/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
Tiền mặt	5.583.570.200	3.867.555.635
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	57.498.334.818	51.490.618.087
Tiền đang chuyển	-	1.473.500.000
Các khoản tương đương tiền	2.000.000.000	-
	<u>65.081.905.018</u>	<u>56.831.673.722</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Tri,
phường Mỹ Tri, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN**6 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư ngắn hạn	991.000.000	991.000.000	250.000.000	250.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	991.000.000	991.000.000	250.000.000	250.000.000
Đầu tư dài hạn	188.231.879.840	188.231.879.840	140.000.000.000	140.000.000.000
Trái phiếu	188.231.879.840	188.231.879.840	140.000.000.000	140.000.000.000
	189.222.879.840	189.222.879.840	140.250.000.000	140.250.000.000

b) Chứng khoán kinh doanh

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Tổng giá trị cổ phiếu	31.262.653.883	25.238.125.200	89.094.323.061	105.715.138.700
GEX	12.210.002.322	12.432.000.000	70.041.671.500	91.116.957.000
PCT	9.535.280.992	9.450.540.000	9.535.280.992	10.439.550.000
SDA	7.410.000.000	2.079.998.400	7.410.000.000	2.686.664.600
VTX	1.475.610.000	1.190.325.400	1.475.610.000	1.377.236.000
Cổ phiếu khác	631.760.569	85.261.400	631.760.569	94.731.100
	31.262.653.883	25.238.125.200	89.094.323.061	105.715.138.700
				Dự phòng VND
				(5.358.738.869)
				-
				-
				(4.723.335.400)
				(98.374.000)
				(537.029.469)
				(5.358.738.869)

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, toà nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

MÃ SỐ B 09-DN

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào đơn vị khác	60.550.000.000	60.550.000.000	67.550.000.000	67.550.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Khu kinh tế Hải Hà	550.000.000	550.000.000	550.000.000	550.000.000
Công ty Cổ phần Hạ tầng Fecon	30.000.000.000	30.000.000.000	37.000.000.000	37.000.000.000
Quý đầu tư, khám phá giá trị Ngân hàng Công thương Việt Nam (*)	30.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000
	60.550.000.000	60.550.000.000	67.550.000.000	67.550.000.000

Đầu tư vào đơn vị khác

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư vào đơn vị khác của Công ty vào ngày 30/06/2018 như sau:

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Hạ tầng Fecon	Hà Nội	14,29%	14,29%	Phát triển dự án, thi công thủy điện
Quý đầu tư, khám phá giá trị Ngân hàng Công thương Việt Nam (*)	Hà Nội	0,3	0,3	Đầu tư tài chính

(*) Theo biên bản thỏa thuận góp vốn ngày 03/09/2015 về việc thành lập Quỹ đầu tư, khám phá giá trị ngân hàng Công thương Việt Nam giữa các bên là Công ty Cổ phần SCI, Công ty Cổ phần Chứng khoán IB, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện và Công ty Cổ phần FTG Việt Nam như sau:

- Thời gian hoạt động của quỹ: 05 năm;
- Tổng vốn góp: 100 tỷ đồng;
- Vốn góp cam kết của SCI: 30 tỷ đồng;
- Lĩnh vực đầu tư: Cổ phiếu niêm yết, các cổ phiếu chưa niêm yết, các doanh nghiệp IPO, các doanh nghiệp thoái vốn Nhà nước, trở thành cổ đông lớn trong các doanh nghiệp đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCITầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Liên danh CMC/ITD/Sông Đà	40.281.881.923	26.574.835.987
Ban điều hành dự án thủy điện Sơn La	20.514.021.208	20.514.021.208
Ban điều hành Dự án Thủy điện Lai Châu	11.293.237.522	22.313.695.966
Chi nhánh Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	36.260.795.840	125.928.923.363
Công ty TNHH Xây dựng Chicharueume	16.013.291.948	16.013.291.948
Các khoản phải thu khách hàng khác	56.839.658.473	52.917.280.107
	181.202.886.914	264.262.048.579

8 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Công ty Cổ phần DVC Việt Nam (*)	14.000.000.000	14.000.000.000
	14.000.000.000	14.000.000.000

(*) Hợp đồng vay vốn số 11/2017/HĐTD ngày 04/07/2017, thời hạn từ ngày 04/07/2017 đến 03/10/2017; Lãi suất cố định, 4,9/năm.

9 . PHẢI THU KHÁC

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Phải thu ngắn hạn khác				
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	14.274.448.400	-	7.632.311.111	-
Phải thu người lao động	-	-	1.154.106.227	-
Phải thu về KPCĐ	6.451.250	-	6.451.250	-
Phải thu về BHXH	50.366.400	-	3.262.345	-
Tạm ứng	15.373.295.880	-	9.673.124.191	-
Ký cược, ký quỹ	19.500.000	-	19.500.000	-
Phải thu tiền chuyển nhượng cổ phần Fecon	7.000.000.000	-	-	-
Tiền giao dịch tại các Công ty chứng khoán	5.037.853.701	-	38.304.270	-
Phải thu vật tư tạm ứng cho thầu phụ	1.111.882.299	-	2.607.389.570	-
Thuế nhà thầu Công trình NamThaun Lào	343.770.010	-	1.651.087.692	-
Phải thu khác	21.816.262.723	(4.939.698.164)	17.898.629.079	(4.939.698.164)
	65.033.830.663	(4.939.698.164)	40.684.165.735	(4.939.698.164)
b) Phải thu dài hạn khác				
Ký cược, ký quỹ	367.500.000	-	367.500.000	-
	367.500.000	-	367.500.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SCITầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà NộiBáo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018**10 . NỢ XẤU**

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
<i>Ban điều hành Dự án thủy điện Sơn La</i>	16.024.045.596	3.381.152.533	16.024.045.596	8.809.179.698
<i>Công ty CP Xây lắp và phát triển Thành Nam</i>	6.248.083.094	3.124.041.547	6.248.083.094	3.124.041.547
<i>Công ty CP Xây dựng Dịch vụ và Thương mại 68</i>	3.425.189.422	1.712.594.711	3.425.189.422	1.712.594.711
<i>Đối tượng khác</i>	16.105.697.091	4.440.552.277	16.105.697.091	4.440.552.277
	41.803.015.203	12.658.341.068	41.803.015.203	18.086.368.233

11 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	29.292.927.452	-	22.003.317.574	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	268.578.911.312	-	188.319.161.954	-
	297.871.838.764	-	210.322.479.528	-

12 . TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	605.332.762.021	449.842.159.648
Dự án Nhà máy Thủy điện Mường Luân, Điện Biên	2.087.417.273	1.832.871.818
Dự án Nhà máy Thủy điện Ca Nan	596.552.428.795	444.822.186.575
Dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Xe	1.588.955.838	1.588.955.838
Dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Lum	5.103.960.115	1.598.145.417
	605.332.762.021	449.842.159.648

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

13 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá												
Tại ngày 01/01/2018	11.221.128.927	162.079.861.267	99.704.434.652	684.809.644	-	273.690.234.490						
Mua sắm	-	16.492.430.164	2.252.096.363	-	-	18.744.526.527						
Tại ngày 30/06/2018	11.221.128.927	178.572.291.431	101.956.531.015	684.809.644	-	292.434.761.017						
Giá trị hao mòn lũy kế												
Tại ngày 01/01/2018	6.798.165.240	57.176.581.337	40.860.240.737	485.146.658	-	105.320.133.972						
Trích khấu hao	1.094.195.552	9.452.247.453	5.218.937.698	45.122.190	-	15.810.502.893						
Tại ngày 30/06/2018	7.892.360.792	66.628.828.790	46.079.178.435	530.268.848	-	121.130.636.865						
Giá trị còn lại												
Tại ngày 01/01/2018	4.422.963.687	104.903.279.930	58.844.193.915	199.662.986	-	168.370.100.518						
Tại ngày 30/06/2018	3.328.768.135	111.943.462.641	55.877.352.580	154.540.796	-	171.304.124.152						

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 27.067.512.332 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCITầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

14 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Nhãn hiệu, thương hiệu VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2018	250.000.000	92.500.000	342.500.000
Mua sắm	-	110.000.000	110.000.000
Tại ngày 30/06/2018	250.000.000	202.500.000	452.500.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2018	153.125.049	92.500.000	245.625.049
Trích khấu hao	6.250.002	6.875.001	13.125.003
Tại ngày 30/06/2018	159.375.051	99.375.001	258.750.052
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2018	96.874.951	-	96.874.951
Tại ngày 30/06/2018	90.624.949	103.124.999	193.749.948

15 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
a) Chi phí trả trước ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.213.942.004	963.531.862
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	236.522.648	385.355.042
	1.450.464.652	1.348.886.904
b) Chi phí trả trước dài hạn		
Chi phí sửa chữa văn phòng	363.041.241	703.269.941
Chi phí xưởng đúc cọc Long Phú	-	176.621.958
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.162.193.762	1.223.887.093
Chi phí trả trước dài hạn khác	584.589.935	263.888.889
	2.109.824.938	2.367.667.881

CÔNG TY CỔ PHẦN SCITầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018**16 . PHẢI NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP DVC Việt Nam	12.461.975.224	12.461.975.224	12.605.286.378	12.605.286.378
Công ty TNHH DONARCO	45.793.000	45.793.000	16.058.148.425	16.058.148.425
Công ty TNHH Hoàng Sơn Fly Ash And Cement	10.425.800.000	10.425.800.000	17.810.692.800	17.810.692.800
Công ty TNHH Phát triển Công nghiệp Tân Hoàng Mai	13.010.679.776	13.010.679.776	11.095.369.161	11.095.369.161
Voith Hydro Private Limited	6.716.608.259	6.716.608.259	11.512.148.442	11.512.148.442
Công ty TNHH PETRO Lào	14.159.040.009	14.159.040.009	14.159.040.009	14.159.040.009
Các khoản phải trả khác	80.078.601.500	80.078.601.500	82.382.381.264	82.382.381.264
	136.898.497.768	136.898.497.768	165.623.066.479	165.623.066.479

17 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Chi nhánh Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	48.067.983.804	54.398.244.034
Khách hàng khác	3.199.034.695	1.973.278.999
	51.267.018.499	56.371.523.033

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**MÃU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

18 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ		Số phải nộp đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng		7.120.846		179.503.041		42.683.601.195		42.797.601.978		2.581.846		60.963.258
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu		-		-		39.861.960		39.861.960		-		-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp		-		13.667.729.140		4.215.664.224		14.357.689.928		2.151.534		3.527.854.970
Thuế Thu nhập cá nhân		-		320.507.918		1.003.554.934		957.351.054		-		366.711.798
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất		89.015.533		-		42.459.480		-		46.556.053		-
Các loại thuế khác		-		5.190.507		-		-		-		5.190.507
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		-		39.604.543		10.800.000		10.800.000		-		39.604.543
		96.136.379		14.212.535.149		47.995.941.793		58.163.304.920		51.289.433		4.000.325.076

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

19 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>30/06/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	5.672.411.720	885.630.246
Trích trước chi phí các công trình	63.310.569.160	39.906.502.532
Chi phí phải trả khác	150.600.000	515.000.000
	<u>69.133.580.880</u>	<u>41.307.132.778</u>

20 . PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>30/06/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
a) Phải trả ngắn hạn khác		
Kinh phí công đoàn	861.193.766	692.108.309
Bảo hiểm xã hội	29.569.115	50.878.513
Bảo hiểm thất nghiệp	1.454.360	2.175.960
Công ty Cổ phần Chứng khoán IB	-	8.604.169.551
Thù lao Hội đồng quản trị và BKS	240.424.788	593.400.000
Liên danh chủ đầu tư công trình Namtheun (JV)	27.247.274.258	4.306.819.108
Phải trả vật tư tạm nhập trong kỳ	1.807.623.737	1.280.598.517
Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.189.765.612	2.544.163.020
	<u>35.377.305.636</u>	<u>18.074.312.978</u>
b) Phải trả dài hạn khác		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	56.815.000	56.815.000
	<u>56.815.000</u>	<u>56.815.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

21 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2018		Trong kỳ		30/06/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	182.297.878.260	182.297.878.260	389.624.160.909	337.883.829.240	234.038.209.929	234.038.209.929
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây ⁽¹⁾	144.041.428.661	144.041.428.661	371.305.871.315	308.256.355.070	207.090.944.906	207.090.944.906
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh ⁽²⁾	24.256.449.599	24.256.449.599	17.318.289.594	28.627.474.170	12.947.265.023	12.947.265.023
- Công ty CP DVC Việt Nam ⁽³⁾	14.000.000.000	14.000.000.000	-	-	14.000.000.000	14.000.000.000
- Vay ngắn hạn cá nhân	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	104.196.168.060	104.196.168.060	19.549.908.420	13.671.500.160	110.074.576.320	110.074.576.320
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh	6.548.250.000	6.548.250.000	4.362.000.000	3.346.250.000	7.564.000.000	7.564.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây	12.647.918.060	12.647.918.060	14.509.355.160	10.325.250.160	16.832.023.060	16.832.023.060
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Hà Nội	-	-	678.553.260	-	678.553.260	678.553.260
- Trái phiếu thường	85.000.000.000	85.000.000.000	-	-	85.000.000.000	85.000.000.000
	286.494.046.320	286.494.046.320	409.174.069.329	351.555.329.400	344.112.786.249	344.112.786.249

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

21 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2018		Trong kỳ		30/06/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
b) Vay và nợ thuế tài chính dài hạn						
Vay dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây ⁽⁴⁾	445.945.420.525	445.945.420.525	143.937.317.639	13.671.500.160	576.211.238.004	576.211.238.004
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh ⁽⁵⁾	44.884.904.000	44.884.904.000	16.613.129.925	10.325.250.160	51.172.783.765	51.172.783.765
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh HCM ⁽⁶⁾	18.369.217.687	18.369.217.687	5.783.435.000	3.346.250.000	20.806.402.687	20.806.402.687
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Hà Nội ⁽⁷⁾	297.691.298.838	297.691.298.838	118.147.986.414	-	415.839.285.252	415.839.285.252
- Trái phiếu thường	85.000.000.000	85.000.000.000	3.392.766.300	-	3.392.766.300	3.392.766.300
	445.945.420.525	445.945.420.525	143.937.317.639	13.671.500.160	576.211.238.004	576.211.238.004
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	104.196.168.060	104.196.168.060	19.549.908.420	13.671.500.160	110.074.576.320	110.074.576.320
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	341.749.252.465	341.749.252.465	124.387.409.219	-	466.136.661.684	466.136.661.684

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mê Trì, phường Mê Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

MÃ SỐ B 09-DN

21 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác của Công ty như sau:

<u>STT</u>	<u>Ngân hàng/Hợp đồng vay</u>	<u>Hạn mức</u>	<u>Mục đích vay</u>	<u>Thời hạn vay</u>	<u>Lãi suất vay</u>	<u>Dư nợ tại ngày 30/06/2018</u>	<u>Phương thức đảm bảo tiền vay</u>
1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây						
-	Hợp đồng tín dụng số 01/2017/283367/HĐTD ngày 17/03/2017	700.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở LC	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	Lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của từng thời kỳ	106.752.347.420	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản
-	Hợp đồng tín dụng số 01/2018/283367/HĐTDHM ngày 07/05/2018	500.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở LC	Kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày 31/05/2019	Lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của từng thời kỳ	100.338.597.486	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản
2	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Anh						
-	Hợp đồng tín dụng số 17293/HMCV/HĐTD.DAH ngày 31/07/2017	50.000.000.000	Tài trợ các nhu cầu tín dụng hợp pháp, hợp lý, phục vụ hoạt động thi công, xây lắp công trình	Thời hạn cấp tín dụng là đến 30/06/2018	Lãi suất vay được quy định cụ thể cho từng hợp đồng	12.947.265.023	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản
3	Công ty CP DVC Việt Nam						
-	Hợp đồng vay vốn số 01/HĐVV/2017 ngày 04/07/2017	10.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Kỳ hạn 03 tháng và tự động gia hạn	Lãi suất cố định là 5%/năm	10.000.000.000	Tin chấp
-	Hợp đồng vay vốn số 02/HĐVV/2017 ngày 19/09/2017	4.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Kỳ hạn 03 tháng và tự động gia hạn	Lãi suất cố định là 5%/năm	4.000.000.000	Tin chấp

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

Điều khoản và điều kiện của khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

STT	Ngân hàng/Hợp đồng vay	Hạn mức	Mục đích vay	Thời hạn vay	Lãi suất vay	Dư nợ tại ngày 30/06/2018	Phương thức đảm bảo tiền vay
4	- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây						
-	Hợp đồng tín dụng số 04/2014/283367/HĐTĐ ngày 18/12/2014	6.195.600.000	Đầu tư dự án nâng cao thiết bị thi công năm 2014 (Giai đoạn 6)	60 tháng kể từ ngày rút vốn vay đầu tiên	Lãi suất ban đầu là 11%/năm, sau được áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh 03 tháng/lần	1.830.000.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
-	Hợp đồng tín dụng số 02/2015/283367/HĐTĐ ngày 11/08/2015	11.470.014.114	Mua sắm MMTB theo Dự án nâng cao năng lực thi công 2015	60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	Lãi suất thả nổi, điều chỉnh 03 tháng/lần	5.169.411.765	Tài sản hình thành từ vốn vay
-	Hợp đồng tín dụng số 03/2015/283367/HĐTĐ ngày 28/09/2015	3.111.500.000	Mua sắm MMTB theo Dự án nâng cao năng lực thi công 2015 (Giai đoạn 2)	60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	Lãi suất thả nổi, điều chỉnh 03 tháng/lần	827.372.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
-	Hợp đồng tín dụng số 03/2016/283367/HĐTĐ ngày 31/08/2016	8.075.200.000	Mua sắm MMTB theo Dự án nâng cao năng lực thi công 2016 (Giai đoạn 2)	60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	Lãi suất thả nổi, điều chỉnh 03 tháng/lần	4.715.200.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
-	Hợp đồng tín dụng số 03/2016/283367/HĐTĐ ngày 14/10/2016	4.235.000.000	Mua sắm MMTB theo Dự án nâng cao năng lực thi công 2016 (Giai đoạn 2.2)	60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	Lãi suất cố định 10%/năm đến hết 31/12/2016, sau đó được điều chỉnh thả nổi, 03 tháng/lần	2.520.000.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
-	Hợp đồng tín dụng số 04/2016/283367/HĐTĐ ngày 03/11/2016	13.571.293.400	Mua sắm MMTB theo Dự án nâng cao năng lực thi công 2016 (Giai đoạn 3.1)	60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	Lãi suất cố định 10%/năm đến hết 31/12/2016, sau đó được điều chỉnh thả nổi, 03 tháng/lần	7.415.000.000	Tài sản hình thành từ vốn vay

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn (tiếp):

Điều khoản và điều kiện của khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

MẪU SỐ B 09-DN

STT	Ngân hàng/Hợp đồng vay	Hạn mức	Mục đích vay	Thời hạn vay	Lãi suất vay	Dư nợ tại ngày 30/06/2018	Phương thức đảm bảo tiền vay
4	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây (tiếp)						
-	Hợp đồng tín dụng số 02/2017/283367/HĐTD ngày 05/06/2017	8.000.000.000	Mua sắm MMTB theo Dự án nâng cao năng lực thi công 2017 (Giai đoạn 1)	60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	Lãi suất cố định 10%/năm đến hết 30/06/2017, sau đó được điều chỉnh thả nổi, 03 tháng/lần	4.980.000.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
-	Hợp đồng tín dụng số 03/2017/283367/HĐTD ngày 16/06/2017	642.000.000	Mua ô tô Ford Ranger Wildtrak 3.2	36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	Lãi suất cố định 10%/năm đến hết 30/06/2017, sau đó được điều chỉnh thả nổi, 03 tháng/lần	377.000.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
-	Hợp đồng tín dụng số 03/2017/283367/HĐTD ngày 07/11/2017	20.847.629.925	Mua sắm MMTB theo Dự án nâng cao năng lực thi công 2017 (Giai đoạn 2.2)	36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	Lãi suất cố định 10,5%/năm đến hết 31/12/2017, sau đó được điều chỉnh thả nổi, 03 tháng/lần	18.594.000.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
-	Hợp đồng tín dụng số 02/2018/283367/HĐTD ngày 12/06/2018	17.278.800.000	Mua sắm máy móc thiết bị thi công theo Dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2018-4	60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên	Áp dụng lãi suất cho vay là 10.0%/năm đến hết ngày 30/09/2018, sau đó được điều chỉnh thả nổi, 03 tháng/lần	1.645.000.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
-	Hợp đồng tín dụng số 01/2018/283367/HĐTD ngày 27/03/2018	8.500.000.000	Mua sắm máy móc thiết bị thi công theo Dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2018-2.	60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên	Áp dụng lãi suất cho vay là 10.0%/năm đến hết ngày 30/06/2018, sau đó được điều chỉnh thả nổi, 03 tháng/lần	3.099.800.000	Tài sản hình thành từ vốn vay

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn (tiếp):

Điều khoản và điều kiện của khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

MÃ SỐ B 09-DN

STT	Ngân hàng/Hợp đồng vay	Hạn mức	Mục đích vay	Thời hạn vay	Lãi suất vay	Dư nợ tại ngày 30/06/2018	Phương thức đảm bảo tiền vay
5	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Anh						
-	Hợp đồng vay số 15189/TH/HĐTD.DAH ngày 26/08/2015	882.000.000	Mua tài tổ hợp 01 đầu kéo và 01 Sorni Romóoc	60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên	Theo thông báo lãi suất cho vay từng thời kỳ, được thay đổi 03 tháng/lần	398.000.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
-	Hợp đồng vay số 16135/TH/HĐTD.DAH ngày 30/05/2016	26.000.000.000	Tài trợ cho các nhu cầu tín dụng liên quan đến việc đầu tư dự án	60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên	Trước 31/03/2017, áp dụng lãi suất cố định, sau áp dụng thả nổi, 03 tháng/lần	9.207.452.986	Tài sản hình thành từ vốn vay
-	Hợp đồng vay số 17293/TH/HĐTD.DAH ngày 21/05/2018	22.638.000.000	Tài trợ cho các nhu cầu tín dụng liên quan đến việc đầu tư dự án	60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên	Theo thông báo lãi suất cho vay từng thời kỳ, lãi suất hiện tại là: 9,2%/ năm	5.623.949.701	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản
-	Hợp đồng tín dụng số 16008/TH/HĐTD.DAH ngày 19/02/2016	12.750.000.000	Bù đắp tiền mua máy móc thiết bị, phương tiện vận tải đã đầu tư.	Thời hạn cho vay 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	Áp dụng lãi suất cố định 9%/năm và lãi suất thả nổi tùy theo thời điểm nhận nợ	5.577.000.000	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản
6	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh HCM						
-	Hợp đồng cho vay Dự án đầu tư số 17.2680030/2017-HĐCVDADT/NHCT900-SOVICO NGHEAN	567.982.000.000	Thanh toán chi phí đầu tư Dự án thủy điện Ca Nan 1 và Ca Nan 2	14 năm kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản vay đầu tiên	Lãi suất vay được quy định tại từng lần nhận nợ và được điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng từng thời kỳ	415.839.285.252	Tài sản hình thành từ vốn vay

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn (tiếp):

Điều khoản và điều kiện của khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

MẪU SỐ B 09-DN

STT	Ngân hàng/Hợp đồng vay	Hạn mức	Mục đích vay	Thời hạn vay	Lãi suất vay	Dự nợ tại ngày 30/06/2018	Phương thức đảm bảo tiền vay
7	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- chi nhánh Tây Hà Nội Hợp đồng vay số 01/2018- HDDCVDAADD/NHCT146- SCI E&C ngày 25/06/2018	9.500.000.000	Thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án "Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2018"	60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	Theo thông báo lãi suất cho vay từng thời kỳ, được thay đổi 01 tháng/lần	3.392.766.300	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản
8	Trái phiếu thường						
	Trái phiếu phát hành						
	- Loại phát hành theo mệnh giá	85.000.000.000	10%	36 tháng	85.000.000.000	10%	36 tháng
		<u>85.000.000.000</u>			<u>85.000.000.000</u>		

Trong năm 2015, Công ty phát hành 85 trái phiếu với kỳ hạn 36 tháng, mệnh giá 1.000.000.000 đồng/trái phiếu. Lãi suất áp dụng cho 2 kỳ tính lãi đầu tiên là 10%, các kỳ sau được điều chỉnh theo lãi suất ngân hàng tại từng thời kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

22 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Cộng
	VND	VND				VND	VND	
Từ 01/01/217 đến 30/06/2017								
Tại ngày 01/01/2017	388.491.390.000	982.166.000	9.226.367.080	42.692.268.458	58.684.462.101	500.076.653.659		
Lãi/lỗ trong kỳ trước	-	-	-	3.226.491.336	(380.123.210)	2.846.368.126		
Phân phối lợi nhuận	-	-	282.664.892	(787.419.501)	(2.450.000.000)	(2.954.754.609)		
Tạm ứng thù lao HĐQT và BKS	-	-	-	(153.000.000)	(147.000.000)	(300.000.000)		
Giảm khác	-	-	-	-	(24.842.663)	(24.842.663)		
Tại ngày 30/06/2017	388.491.390.000	982.166.000	9.509.031.972	44.978.340.293	55.682.496.228	499.643.424.493		
Từ 01/01/218 đến 30/06/2018								
Tại ngày 01/01/2018	388.491.390.000	982.166.000	10.203.005.635	65.419.481.471	159.547.909.987	624.643.953.093		
Lãi/lỗ trong kỳ này	-	-	-	20.160.265.091	5.930.013.005	26.090.278.096		
Phân phối lợi nhuận	-	-	1.364.620.828	(1.728.519.715)	(237.586.877)	(601.485.764)		
Tạm ứng thù lao HĐQT và BKS	-	-	-	(535.500.000)	(118.500.000)	(654.000.000)		
Tại ngày 30/06/2018	388.491.390.000	982.166.000	11.567.626.463	83.315.726.847	165.121.836.115	649.478.745.425		

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2018		01/01/2018	
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)
Vốn góp của các cổ đông khác	388.491.390.000	100,00%	388.491.390.000	100,00%
	388.491.390.000	100%	388.491.390.000	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN SCITầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà NộiBáo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Từ 01/01/218 đến 30/06/2018	Từ 01/01/217 đến 30/06/2017
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	388.491.390.000	388.491.390.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	388.491.390.000	388.491.390.000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	388.491.390.000	388.491.390.000

d) Cổ phiếu

	30/06/2018	01/01/2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	38.849.139	38.849.139
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	38.849.139	38.849.139
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	38.849.139	38.849.139
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	38.849.139	38.849.139
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	38.849.139	38.849.139
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	11.567.626.463	10.203.005.635
	11.567.626.463	10.203.005.635

23 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**Ngoại tệ các loại**

	30/06/2018	01/01/2018
Đồng đô la Mỹ (USD)	540,92	540,92
Kip (Lào)	97,33	0

24 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/218 đến 30/06/2018	Từ 01/01/217 đến 30/06/2017
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	29.925.674.033	5.825.260.067
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	2.901.921.090
Doanh thu hợp đồng xây dựng	282.807.856.363	166.445.989.342
- <i>Doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong kỳ</i>	282.807.856.363	166.445.989.342
	312.733.530.396	175.173.170.499

CÔNG TY CỔ PHẦN SCITầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

25 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	28.775.472.402	5.807.408.725
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	2.916.853.347
Giá vốn hợp đồng xây dựng	237.988.651.655	134.974.324.087
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(21.037.532)
	266.764.124.057	143.677.548.627

26 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	9.754.415.988	8.152.957.683
Lãi bán các khoản đầu tư	17.619.201.622	454.780.500
Cổ tức, lợi nhuận được chia	330.000.000	252.852.500
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	12.624.739	130.380.287
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	71.175.814
Doanh thu hoạt động tài chính khác	66.983.850	-
	27.783.226.199	9.062.146.784

27 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
	VND	VND
Lãi tiền vay	15.442.150.057	17.951.081.042
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	3.450.000.000	307.216.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	2.252.199	55.487.665
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tồn thất đầu tư	887.787.492	604.691.000
Chi phí tài chính khác	527.801.042	697.196.078
	20.309.990.790	19.615.671.785

28 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.628.496.307	1.817.561.405
Chi phí nhân công	7.493.637.695	6.400.344.143
Chi phí khấu hao tài sản cố định	621.345.957	783.313.742
Thuế, phí, lệ phí	964.784.702	437.471.889
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	5.428.027.165	(118.259.596)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.158.370.319	2.777.173.704
Chi phí khác bằng tiền	1.803.481.872	4.682.079.898
	21.098.144.017	16.779.685.185

CÔNG TY CỔ PHẦN SCITầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

29 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/218 đến 30/06/2018	Từ 01/01/217 đến 30/06/2017
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	32.913.662.758	3.624.081.205
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế TNDN	32.913.662.758	3.624.081.205
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.215.664.224	2.009.614.250

30 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LẠI**a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	6.440.653.095	9.048.373.533
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	6.440.653.095	9.048.373.533

b) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Thuế suất Thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	1.665.617.186	1.665.617.186
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	1.665.617.186	1.665.617.186

c) Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	Từ 01/01/218 đến 30/06/2018	Từ 01/01/217 đến 30/06/2017
	VND	VND
Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	2.607.720.438	-
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ (*)	-	(1.231.901.171)
	2.607.720.438	(1.231.901.171)

CÔNG TY CỔ PHẦN SCITầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

31 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Từ 01/01/218 đến 30/06/2018	Từ 01/01/217 đến 30/06/2017
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	20.160.265.091	3.226.491.336
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	20.160.265.091	3.226.491.336
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	38.849.139	38.849.139
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	519	83

32 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/218 đến 30/06/2018	Từ 01/01/217 đến 30/06/2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	46.789.781.436	29.164.579.652
Chi phí nhân công	27.725.177.764	45.952.526.651
Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.823.627.896	13.098.660.473
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.921.094.624	99.165.026.187
Chi phí khác bằng tiền	3.373.420.117	56.680.408.168
	115.633.101.837	244.061.201.131

CÔNG TY CỔ PHẦN SCITầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà NộiBáo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018**33 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	65.081.905.018	-	56.831.673.722	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	246.604.217.577	(29.144.674.135)	305.313.714.314	(23.716.646.970)
Các khoản cho vay	14.000.000.000	-	14.000.000.000	-
Đầu tư ngắn hạn	32.253.653.883	(6.246.526.361)	89.344.323.061	(5.358.738.869)
Đầu tư dài hạn	248.781.879.840	-	207.550.000.000	-
	606.721.656.317	(35.391.200.496)	673.039.711.097	(29.075.385.839)
			Giá trị sổ kế toán	
			30/06/2018	01/01/2018
			VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ			810.249.447.933	628.243.298.785
Phải trả người bán, phải trả khác			172.332.618.404	183.754.194.457
Chi phí phải trả			69.133.580.880	41.307.132.778
			1.051.715.647.217	853.304.626.020

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCITầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà NộiBáo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018**Rủi ro về giá:**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2018				
Tiền và các khoản tương đương tiền	65.081.905.018	-	-	65.081.905.018
Phải thu khách hàng, phải thu khác	217.092.043.442	367.500.000	-	217.459.543.442
Các khoản cho vay	14.000.000.000	-	-	14.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn	26.007.127.522	-	-	26.007.127.522
Đầu tư dài hạn	-	248.781.879.840	-	248.781.879.840
	322.181.075.981	249.149.379.840	-	571.330.455.821
Tại ngày 01/01/2018				
Tiền và các khoản tương đương tiền	56.831.673.722	-	-	56.831.673.722
Phải thu khách hàng, phải thu khác	281.229.567.344	367.500.000	-	281.597.067.344
Các khoản cho vay	14.000.000.000	-	-	14.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn	83.985.584.192	-	-	83.985.584.192
Đầu tư dài hạn	-	207.550.000.000	-	207.550.000.000
	436.046.825.258	207.917.500.000	-	643.964.325.258

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2018				
Vay và nợ	344.112.786.249	50.297.376.432	415.839.285.252	810.249.447.933
Phải trả người bán, phải trả khác	172.275.803.404	56.815.000	-	172.332.618.404
Chi phí phải trả	69.133.580.880	-	-	69.133.580.880
	<u>585.522.170.533</u>	<u>50.354.191.432</u>	<u>415.839.285.252</u>	<u>1.051.715.647.217</u>
Tại ngày 01/01/2018				
Vay và nợ	286.494.046.320	44.057.953.627	297.691.298.838	628.243.298.785
Phải trả người bán, phải trả khác	183.697.379.457	56.815.000	-	183.754.194.457
Chi phí phải trả	41.307.132.778	-	-	41.307.132.778
	<u>511.498.558.555</u>	<u>44.114.768.627</u>	<u>297.691.298.838</u>	<u>853.304.626.020</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

34 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

35 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**Theo lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây lắp, chiếm trên 90% tổng doanh thu hoạt động. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Theo khu vực địa lý

	Trong nước VND	Nước ngoài VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	269.020.125.936	43.713.404.460	312.733.530.396
Tài sản bộ phận	1.637.515.054.123	136.890.607.409	1.774.405.661.532
Tổng chi phí mua TSCĐ	18.854.526.527	-	18.854.526.527

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

36 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	VND 900.546.000	VND 923.000.000

37 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017. Các báo cáo này đã được kiểm toán và soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm định và Thẩm định giá Việt Nam (AVA).

Nguyễn Thị Tú Quỳnh
Người lập

Nguyễn Văn Thắng
Kế toán trưởng



Lương Thanh Tùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 07 năm 2018